

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 280 /UBND

Sông Hình, ngày 18 tháng 3 năm 2021

V/v rà soát kết quả thẩm định
của các Sở, ban, ngành tỉnh
đối với chỉ số CCHC năm 2020
của UBND huyện Sông Hình

Kính gửi:

- Phòng Văn hóa và Thông tin huyện;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Phòng Nội vụ huyện.

Thực hiện Công văn số 331/SNV-CCHC ngày 17/3/2021 của Sở Nội vụ về việc rà soát kết quả thẩm định của các Sở, ban, ngành tỉnh đối với Chỉ số CCHC năm 2020 của UBND cấp huyện, UBND huyện đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung sau:

1. Thực hiện rà soát lại kết quả thẩm định của các sở, ngành tỉnh đối với kết quả đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của UBND huyện Sông Hình, để bổ sung tài liệu kiểm chứng hoặc giải trình kết quả thực hiện đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần bị mất điểm, gửi về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) chậm nhất đến **ngày 22/3/2020** qua thư điện tử của Phòng Nội vụ: **pnv.songhinh@phuyen.gov.vn** để Phòng Nội vụ tổng hợp, báo cáo UBND huyện gửi Sở Nội vụ trình UBND tỉnh xem xét, đánh giá. Cụ thể:

- Phòng Nội vụ: Lĩnh vực Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC (trừ Mục 1.6.1); Cải cách tổ chức bộ máy hành chính; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC, VC.

- Văn phòng HĐND và UBND huyện: Lĩnh vực Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC (Mục 1.6.1); Lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính; Lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính (Mục 7.4.3).

- Phòng Tài chính – Kế hoạch: Lĩnh vực Cải cách cơ chế quản lý Tài chính công; Tác động của Cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển KT-XH của huyện.

- Phòng Văn hóa và Thông tin: Lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính (trừ Mục 7.4.3).

Ghi chú: Mục 7.2, Lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính đề nghị Văn phòng HĐND và UBND huyện phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin huyện bổ sung tài liệu kiểm chứng, báo cáo giải trình.

2. Đơn vị nào sau khi rà soát không cung cấp tài liệu kiểm chứng hoặc thuyết minh, giải trình bổ sung (trong trường hợp tiêu chí, tiêu chí thành phần đó không có tài liệu kiểm chứng) thì chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC đối với các nội dung do đơn vị mình chủ trì.

(Gửi kèm Kết quả thẩm định Chỉ số CCHC năm 2020 của UBND huyện Sông Hình; Công văn số 331/SNV-CCHC ngày 17/3/2021 của Sở Nội vụ)

Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm triển khai, thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các địa phương phản ánh về Phòng Nội vụ để kịp thời giải quyết qua số điện thoại 02573.858.112./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV.



CHỦ TỊCH

Đinh Ngọc Dạn

UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 331 /SNV-CCHC

V/v rà soát kết quả thẩm định
của các Sở, ban, ngành tỉnh đối với
chỉ số CCHC năm 2020 của UBND
cấp huyện.

Phú Yên, ngày 17 tháng 3 năm 2021

VAN PHÒNG HĐND VÀ UBND H. SONG HINH	
ĐẾN	Số: 1542
	Ngày: 18/3/2021
Chuyển:	

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 2226/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên, Sở Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

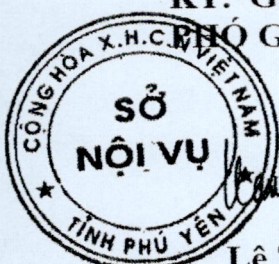
Trước khi trình UBND tỉnh xem xét, quyết định kết quả đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các cơ quan, địa phương, Sở Nội vụ đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát lại kết quả thẩm định của các sở, ngành tỉnh đối với kết quả đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của địa phương mình, để bổ sung tài liệu kiểm chứng hoặc giải trình kết quả thực hiện đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần bị mất điểm, gửi về Sở Nội vụ chậm nhất đến ngày **19/3/2020** qua thư điện tử của phòng cải cách hành chính: **pcchc.snv@phuyen.gov.vn** để Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, đánh giá.

Quá thời hạn trên, địa phương nào chưa gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng thì xem như đồng ý với kết quả thẩm định nêu trên./.

(Kết quả thẩm định chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các huyện, thị xã, thành phố được gửi qua thư công vụ của các phòng Nội vụ)

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c)
- Như trên;
- Giám đốc SNV;
- Phòng NV các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, CCHC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Tấn Để

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2020 CỦA UBND HUYỆN SÔNG HINH

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đơn vị tự đánh giá	Điểm HD thẩm định	Ghi chú
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC				
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	14,50	13,00	7,89	
1.1	Thực hiện Kế hoạch CCHC	2,00	2,00	1,89	54/57 nhiệm vụ hoàn thành (94,7% kế hoạch).
1.2	Thực hiện báo cáo kết quả CCHC (Tất cả báo cáo đầy đủ số lượng, đảm bảo thời gian, các mục nội dung theo quy định)	2,00	2,00	1,00	Báo cáo chuyên đề, đột xuất trễ hạn 14 ngày (B/c tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình tổng thể CCHC)
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	3,50	3,50	2,00	
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp huyện và đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra công tác CCHC trong năm	1,00	1,00	1,00	Tỷ lệ các cơ quan chuyên môn cấp huyện và đơn vị cấp xã được kiểm tra 09/23, đạt 39,1% (Các biên bản kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị; Báo cáo 01/BC-ĐKT, ngày 01/12/2020 về kết quả kiểm tra công tác CCHC và Văn thư- Lưu trữ năm 2020 của huyện)
1.3.2	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp huyện và đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra công tác CCHC trong năm có kết hợp kiểm tra các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số PAPI. 1đ	1,00	1,00	0,00	Chưa kết hợp kiểm tra công tác CCHC và Văn thư- Lưu trữ với kiểm tra các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số PAPI.

1.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1,00	1,00	1,00	Các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được chỉ đạo triển khai khắc phục(Các biên bản kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị; Báo cáo 01/BC-DKT, ngày 01/12/2020).
1.3.4	Báo cáo kết quả khắc phục của các đơn vị sau kiểm tra.	0,50	0,50	0,00	06/09 cơ quan, đơn vị có báo cáo khắc phục sau kiểm tra.Tỷ lệ chưa đạt 100%
1,4	Công tác tuyên truyền CCHC	2,00	1,00	1,00	
1.4.1	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1,00	0,50	0,50	Mức độ hoàn thành so với kế hoạch đạt 85% nhiệm vụ/sản phẩm đề ra.
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1,00	0,50	0,50	Tuyên truyền CCHC trên đài phát thanh-truyền hình; trên Website với các tin bài và niêm yết công khai các khẩu hiệu về CCHC tại trụ sở làm việc của cơ quan
1,5	Sáng kiến, cách làm mới mang lại hiệu quả CCHC được UBND tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền công nhận	2,00	2,00	1,00	Sáng kiến: V/v Dẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính của Bà Nguyễn Thị Thu Hà tại xã Ea Ba được đánh giá mang lại hiệu quả chỉ ở cấp huyện, không phải là cấp tỉnh (Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của chủ tịch UBND huyện về việc công nhận sáng kiến kinh nghiệm cấp huyện năm 2020)
1,6	Triển khai thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao	3,00	2,50	1,00	
1.6.1	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao	1,00	0,50	0,00	Không có TLKC của UBND huyện để xác định thông tin về mức độ hoàn thành nhiệm vụ

1.6.2	Tổ chức quán triệt, phân tích, rút kinh nghiệm về chỉ số CCHC sau khi UBND tỉnh công bố	1,00	1,00	0,00	(Báo cáo số 109/BC-UBND ngày 29/4/2020 của UBND huyện về kết quả thực hiện KH 167/KH-UBND ngày 30/9/2019 của tỉnh Phú Yên về nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công. Không phù hợp). TLKC là sau khi UBND tỉnh công bố kết quả chỉ số CCHC, Huyện tổ chức quán triệt, phân tích những chỉ số mất điểm,..... Văn bản chỉ đạo triển khai khắc phục.
1.6.3	Ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai các nội dung chỉ đạo về công tác CCHC của UBND tỉnh	1,00	1,00	1,00	Ban hành kịp thời các văn bản triển khai thực hiện về công tác CCHC, sau khi UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo CV số 980/UBND ngày 19/10/2020 V/v triển khai kế hoạch tổ chức cuộc thi tìm kiếm sáng kiến giải pháp CCHC; CV số 645/UBND ngày 29/7/2020 V/v triển khai thực hiện thông báo số 195/TB-VPCP ngày 29/5/2020 của Văn phòng Chính phủ; CV số 395/UBND ngày 14/5/2020 V/v tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện;....
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	5,50	5,50	5,50	
2.1	<i>Theo dõi thi hành pháp luật</i>	2,50	2,50	2,50	
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	1,50	1,50	1,50	Thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi thi hành pháp luật đảm bảo đúng quy định và kịp thời báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật. (Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 197/STP-XDKT&TDTHPL ngày 08/3/2021)
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1,00	1,00	1,00	UBND huyện đã ban hành đầy đủ các văn bản xử lý, kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo quy định. (Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 197/STP-XDKT&TDTHPL ngày 08/3/2021)

2.2	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật	2,00	2,00	2,00	
2.2.1	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực hàng năm	1,00	1,00	1,00	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực hàng năm của UBND huyện đúng quy định (Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 197/STP-XDKT&TDTHPL ngày 08/3/2021)
2.2.2	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát	1,00	1,00	1,00	Qua công tác rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL hàng năm của huyện đều được xử lý, kiến nghị xử lý (Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 197/STP-XDKT&TDTHPL ngày 08/3/2021)
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	1,00	1,00	1,00	Qua kiểm tra, đều được xử lý, kiến nghị xử lý các văn bản trái pháp luật không còn phù hợp đúng với quy định. (Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 197/STP-XDKT&TDTHPL ngày 08/3/2021)
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	21,00	19,50	15,48	
3,1	Thực hiện kế hoạch rà soát và đánh giá xử lý các vấn đề qua rà soát thủ tục hành chính	1,50	1,50	1,50	
3.1.1	Hoàn thành 100% Kế hoạch: 1đ	1,00	1,00	1,00	Hoàn thành 100% kế hoạch rà soát đánh giá TTHC (Ý kiến thẩm định của VP. UBND tỉnh tại Công văn số 135/VPUBND-NC ngày 12/3/2021)
3.1.2	Xử lý các vấn đề qua rà soát TTHC	0,50	0,50	0,50	100% các vấn đề đều được xử lý phát hiện qua rà soát TTHC
3,2	Công khai thủ tục hành chính	3,00	3,00	2,00	
3.2.1	Niêm yết công khai Bộ thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh công bố tại Bộ phận một cửa cấp huyện	0,50	0,50	0,50	Kịp thời niêm yết công khai đầy đủ, rõ ràng và dễ tiếp cận tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện đúng quy định. (Ý kiến thẩm định của VP. UBND tỉnh tại Công văn số 135/VPUBND-NC ngày 12/3/2021)

3.2.2	Số đơn vị hành chính cấp xã công khai đầy đủ, đúng quy định bộ TTHC tại Bộ phận một cửa cấp xã theo quy định.	1,00	1,00	1,00	Số đơn vị hành chính cấp xã công khai đầy đủ, đúng quy định bộ TTHC tại Bộ phận một cửa cấp xã theo quy định. (Ý kiến thẩm định của VP. UBND tỉnh tại Công văn số 135/VPUBND-NC ngày 12/3/2021)
3.2.3	Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và UBND cấp xã được công khai đầy đủ, đúng quy định trên trang thông tin điện tử của UBND huyện.	0,50	0,50	0,50	100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và UBND cấp xã được công khai đầy đủ, đúng quy định trên trang thông tin điện tử của UBND huyện. (Ý kiến thẩm định của VP. UBND tỉnh tại Công văn số 135/VPUBND-NC ngày 12/3/2021)
3.2.4	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên trang thông tin điện tử của UBND huyện	1,00	1,00	0,00	Số cơ quan, đơn vị đã Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên trang thông tin điện tử của UBND huyện chưa đạt 100% theo quy định (Ý kiến thẩm định của VP. UBND tỉnh tại Công văn số 135/VPUBND-NC ngày 12/3/2021)
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	3,50	3,00	3,00	
3.3.1	Tỷ lệ TTHC được thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện được UBND tỉnh công bố	0,50	0,50	0,50	100% thủ tục hành chính được tiếp nhận giải quyết theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện được UBND tỉnh công bố.
3.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa	0,50	0,50	0,50	100% Số đơn vị hành chính cấp xã tiếp nhận TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo cơ chế một cửa (Ý kiến thẩm định của VP. UBND tỉnh tại Công văn số 135/VPUBND-NC ngày 12/3/2021)
3.3.3	Đưa TTHC ngành dọc vào thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận một cửa	0,50	0,00	0,00	Chưa đưa TTHC ngành dọc vào thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận một cửa
3.3.4	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	1,00	1,00	1,00	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông của UBND huyện đạt 40 TTHC theo quy định

3.3.5	Kịp thời ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.	0,50	0,50	0,50	Đã kịp thời ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (QĐ số 03/QĐ-UBND ngày 04/1/2019) (Ý kiến thẩm định của VP. UBND tỉnh tại Công văn số 135/VPUBND-NC ngày 12/3/2021)
3.3.6	Bố trí công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện, cấp xã theo đúng quy định	0,50	0,50	0,50	Bố trí công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện, cấp xã theo đúng quy định (Ý kiến thẩm định của VP. UBND tỉnh tại Công văn số 135/VPUBND-NC ngày 12/3/2021)
3,4	Công tác tiếp nhận hồ sơ TTHC	3,00	2,50	0,00	Công tác tiếp nhận hồ sơ TTHC vẫn còn sai sót, để cá nhân phải thực hiện bổ sung hồ sơ quá một lần; Việc cập nhật vào sổ theo dõi hồ sơ trả kết quả chưa đầy đủ thông tin theo quy định và việc cập nhật xử lý quy trình trên Công dịch vụ công của tỉnh chưa kịp thời đúng quy định (Ý kiến thẩm định của VP. UBND tỉnh tại Công văn số 135/VPUBND-NC ngày 12/3/2021)
3,5	Kết quả giải quyết TTHC	8,00	7,50	6,98	
3.5.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	3,00	3,00	2,98	Tỷ lệ hồ sơ TTHC đã được tiếp nhận trong năm giải quyết đúng hạn so với tổng số hồ sơ TTHC do UBND huyện đã tiếp nhận trong năm. Tỷ lệ đạt 99,3% (Ý kiến thẩm định của VP. UBND tỉnh tại Công văn số 135/VPUBND-NC ngày 12/3/2021)
3.5.2	Thực hiện xin lỗi đúng quy định khi giải quyết TTHC sai sót, trễ hạn	1,00	0,50	0,00	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra sai sót, trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện chưa được kịp thời theo quy định. (Ý kiến thẩm định của VP. UBND tỉnh tại Công văn số 135/VPUBND-NC ngày 12/3/2021)
3.5.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	3,00	3,00	3,00	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện tiếp nhận trong năm đều giải quyết đúng hạn (Ý kiến thẩm định của VP. UBND tỉnh tại Công văn số 135/VPUBND-NC ngày 12/3/2021)

3.5.4	100% hồ sơ TTHC do các đơn vị hành chính cấp xã tiếp nhận giải quyết có sai sót hoặc trễ hạn đều được thực hiện thư xin lỗi đúng theo quy định: 1đ	1,00	1,00	1,00	1,00	100% hồ sơ TTHC các xã, thị trấn tiếp nhận giải quyết trong năm không có sai sót, trễ hạn (Ý kiến thẩm định của VP. UBND tỉnh tại Công văn số 135/VPUBND-NC ngày 12/3/2021)
3,6	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện.	2,00	2,00	2,00	2,00	
3.6.1	Tổ chức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	1,00	1,00	1,00	1,00	Trong năm UBND huyện không có tổ chức cá nhân phản ánh, kiến nghị đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện (Ý kiến thẩm định của VP. UBND tỉnh tại Công văn số 135/VPUBND-NC ngày 12/3/2021)
3.6.2	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	1,00	1,00	1,00	1,00	
4	CÁI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	10,00	10,00	7,00		
4,1	Thực hiện quy định của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy	5,00	5,00	4,00		
4.1.1	Tổ chức sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện theo chỉ đạo Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh	2,00	2,00	2,00		Thực hiện đúng quy định của Trung ương, của tỉnh về sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ thuộc UBND huyện theo đúng tiến độ quy định tại KH 53 của Tỉnh ủy đã sáp nhập phòng Y tế vào VP.HĐND&UBND huyện); báo cáo số 387/BC-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện về công tác CCHC năm 2020; báo cáo số 71/BC-UBND ngày 20/3/2020 V/v kết quả sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy của

4.1.2	Tổ chức sắp xếp, kiện toàn giám số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh	2,00	2,00	2,00	Thực hiện đúng quy định của Trung ương, của tỉnh về sắp xếp kiện toàn giám số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện theo đúng tiến độ quy định tại KH 58 của Tỉnh ủy (hợp nhất Đài truyền thanh-Truyền hình huyện và trung tâm Văn hóa thể thao thành 01 đơn vị; Hợp nhất từ 37 đơn vị trường học còn 27 đơn vị trường học, giảm 10 đơn vị trường học); báo cáo số 387/BC-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện về công tác CCHC năm 2020; báo cáo số 71/BC-UBND ngày 20/3/2020 V/v kết quả sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy của huyện...
4.1.3	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và lãnh đạo UBND cấp xã	1,00	1,00	0,00	Thực hiện chưa đúng quy định theo <i>hướng dẫn chấm điểm chỉ số CCHC tại CV số 383/BNV-CCHC ngày 28/2/2021 của Bộ Nội vụ về cơ cấu hợp lý giữa số lượng công chức giữ chức vụ lãnh đạo phải ít hơn so với số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo trong một tổ chức/ phòng chuyên môn</i> . Lãnh đạo tại các phòng chuyên môn (phòng Văn hóa & Thông tin; phòng Dân tộc đều có số lượng lãnh đạo nhiều hơn công chức chuyên môn)
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	3,00	3,00	3,00	
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính.	1,00	1,00	1,00	Thực hiện đúng quy định về sử dụng biên chế hành chính (Báo cáo 387/BC-UBND ngày 24/11/2020 về kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2020 của UBND huyện; Báo cáo số 71/BC-UBND ngày 12/03/2020 về kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy của UBND huyện).

4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của huyện.	1,00	1,00	1,00	Thực hiện đúng quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (Bảo cáo 387/BC-UBND ngày 24/11/2020 về kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2020 của UBND huyện; Bảo cáo số 71/BC-UBND ngày 12/03/2020 về kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy của UBND huyện).
4.2.3	Thực hiện tinh giản biên chế so với kế hoạch hằng năm	1,00	1,00	1,00	Kết quả theo dõi huyện Sông Hinh đã thực hiện tinh giản 3/0 biên chế công chức và 28/22 biên chế sự nghiệp. Vượt chỉ tiêu tinh giản biên chế công chức và viên chức so với biên chế được giao của UBND tỉnh.
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	2,00	2,00	0,00	
4.3.1	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp xã	1,00	1,00	0,00	TLKC: Các biên bản kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị; Bảo cáo 01/BC-ĐKT, ngày 01/12/2020 về kết quả kiểm tra công tác CCHC và Văn thư- Lưu trữ năm 2020 của huyện, chưa phù hợp với nội dung yêu cầu. TLKC là thực hiện việc kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp xã như: kiểm tra chuyển đề về tài chính các xã; chuyển đề về sử dụng đất đai;...
4.3.2	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1,00	1,00	0,00	TLKC là các thông báo kết luận xử lý các vấn đề tại mục kiểm tra 4.3.
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	11,00	9,00	12,00	
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	4,00	4,00	4,00	

5.1.1	Bổ trí công chức theo đúng Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt (không có nhân viên hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ)	1,00	1,00	1,00	Thực hiện đúng theo Đề án VTVL đã được UBND tỉnh phê duyệt (QĐ 1115/QĐ-UBND ngày 05/6/2017; Quyết định điều chỉnh bổ sung VTVL QĐ 921/QĐ-UBND ngày 21/6/2019); báo cáo số 387/BC-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện về công tác CCHC năm 2020; báo cáo số 71/BC-UBND ngày 20/3/2020 V/v kết quả sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy của huyện...
5.1.2	Đã hoàn thành việc phê duyệt Đề án VTVL của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện	2,00	2,00	2,00	Đã hoàn thành Đề án VTVL của các đơn vị sự nghiệp công lập, đã được UBND tỉnh phê duyệt (QĐ số 1049/QĐ-UBND ngày 17/7/2019; QĐ số 3261/QĐ-UBND ngày 04/12/2019; Báo cáo số 387/BC-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện về công tác CCHC năm 2020.
5.1.3	Bổ trí viên chức theo đúng Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt (không có nhân viên hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ)	1,00	1,00	1,00	Thực hiện đúng theo Đề án VTVL của các đơn vị sự nghiệp công lập, đã được UBND tỉnh phê duyệt: (QĐ số 1049/QĐ-UBND ngày 17/7/2019; QĐ số 3261/QĐ-UBND ngày 04/12/2019; Báo cáo số 387/BC-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện về công tác CCHC năm 2020; báo cáo số 71/BC-UBND ngày 20/3/2020 V/v kết quả sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy của huyện...
5.2	Quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức	5,00	4,00	3,00	

5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức theo thẩm quyền	1,00	1,00	1,00	Thực hiện việc tuyển dụng đúng quy định (Kế hoạch 131/KH-UBND về xét tuyển viên chức Trung tâm Văn hóa-Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình; Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện; Thông báo 41/TB-UBND ngày 21/02/2020 V/v tuyển dụng viên chức Trung tâm Văn hóa-Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình; Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện sông Hinh năm 2020; Quyết định 408/QĐ-UBND ngày 21/2/2020 V/v thành lập HDXT viên chức Trung tâm Văn hóa-Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình; Trung tâm Phát triển quỹ đất; Quyết định 2462/QĐ-UBND phê duyệt kết quả xét tuyển viên chức Trung tâm Văn hóa-Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình; Quyết định 114QĐ-UBND phê duyệt kết quả xét tuyển viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất.
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức cấp xã	1,00	1,00	1,00	Trong năm UBND huyện không có nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã. Thực hiện việc tuyển dụng năm trước đúng quy định.
5.2.3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương; lãnh đạo UBND cấp xã	1,00	1,00	1,00	Thực hiện đúng quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo (Báo cáo số 387 /BC-UBND ngày 24/11/2020 của UBND huyện về tình hình và kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2020; Các quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại)
5.2.4	Thực hiện trình tự thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	1,00	1,00	0,00	Không có TLKC
5.2.5	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1,00	0,00	0,00	Cán bộ, công chức, viên chức chấp hành chưa nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính.
5.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức,	2,00	1,00	5,00	

5.3.1	Cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm theo quy định của Trung ương và của tỉnh	1,50	0,50	0,00	Cán bộ, công chức được đăng ký, cử đi đào tạo, bồi dưỡng tham gia không hoàn thành các khóa đào tạo theo quy định. (Kết quả theo dõi của Sở Nội vụ tại một số lớp bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin cho cán bộ công chức cấp xã theo hình thức trực tuyến; lớp tập huấn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và nghiệp vụ công tác CCHC).
5.3.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	0,50	0,50	5,00	Tỷ lệ đạt chuẩn 100%. (230/230 cán bộ công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định)
6	CẢI CÁCH CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG	7,00	7,00	5,00	
6,1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	4,00	4,00	2,00	
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	2,00	2,00	2,00	Tỷ lệ giải ngân đạt 97,46% (báo cáo của KBNN Phú Yên đến ngày 31/01/2021).
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp huyện	1,00	1,00	0,00	Theo kết luận của KTTN Khu vực VIII và không có báo cáo kết quả thực hiện (Ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 510/STC-VP ngày 08/3/2021)
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1,00	1,00	0,00	Không có báo cáo kết quả thực hiện (Ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 510/STC-VP ngày 08/3/2021)
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	3,00	3,00	3,00	

6.2.1	ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của địa phương về quản lý, sử dụng tài sản công	1,00	1,00	1,00	Đã ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của địa phương về quản lý, sử dụng tài sản công (báo cáo số 18/BC-UBND ngày 20/01/2020 của UBND huyện về tình quản lý sử dụng tài sản công năm) (Ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 510/STC-VP ngày 08/3/2021)
6.2.2	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	1,00	1,00	1,00	Đã thực hiện sắp xếp xử lý lại nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý (Tờ trình 124/TT-UBND ngày 08/10/2020 xin xác lập quyền sở hữu) (Ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 510/STC-VP ngày 08/3/2021)
6.2.3	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	1,00	1,00	1,00	Thẩm định xét duyệt quyết toán năm -có kiểm tra tài sản công (Ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 510/STC-VP ngày 08/3/2021)
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	17,00	8,00	4,50	
7,1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính	5,00	1,50	1,50	
7.1.1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức của UBND cấp huyện, cấp xã thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ trong công việc	1,00	0,00	0,00	(Ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông Công văn số 207/STTTT-CNTT ngày 15/3/2021)
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa cơ quan với các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử.	1,00	0,50	0,50	(Ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông Công văn số 207/STTTT-CNTT ngày 15/3/2021)
7.1.3	Chất lượng Trang thông tin điện tử của huyện	1,00	0,00	0,00	(Ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông Công văn số 207/STTTT-CNTT ngày 15/3/2021)
7.1.4	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	1,00	0,50	0,50	(Ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông Công văn số 207/STTTT-CNTT ngày 15/3/2021)

7.1.5	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị kết nối gửi, nhận văn bản điện tử trên trực liên thông văn bản quốc gia	1,00	0,50	0,50	(Ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông Công văn số 207/STTTT-CNTT ngày 15/3/2021)
7,2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	6,50	3,50	1,00	
7.2.1	Tổng số TTTHC được cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	1,50	1,50	0,00	(Ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông Công văn số 207/STTTT-CNTT ngày 15/3/2021)
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo quy định.	5,00	2,00	1,00	(Ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông Công văn số 207/STTTT-CNTT ngày 15/3/2021)
7,3	Tỷ lệ TTTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	2,50	0,00	0,00	
7.3.1	Tỷ lệ TTTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCCI	0,50	0,00	0,00	(Ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông Công văn số 207/STTTT-CNTT ngày 15/3/2021)
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCCI	1,00	0,00	0,00	(Ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông Công văn số 207/STTTT-CNTT ngày 15/3/2021)
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTTHC được trả qua dịch vụ BCCCI	1,00	0,00	0,00	(Ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông Công văn số 207/STTTT-CNTT ngày 15/3/2021)
7,4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định.	3,00	3,00	2,00	
7.4.1	<i>Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp huyện công bố ISO 9001 theo quy định</i>	1,00	1,00	1,00	Đã công bố phù hợp ISO 9001 theo quy định (Ý kiến thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 109/SKHCN-TDC ngày 05/3/2021)
7.4.2	<i>Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định</i>	1,00	1,00	1,00	100% đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO theo quy định (Ý kiến thẩm định của Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 109/SKHCN-TDC ngày 05/3/2021)

7.4.3	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp huyện và đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	1,00	1,00	0,00	Một số cơ quan, đơn vị chưa tiến hành đánh giá nội bộ (ĐGNB) và họp xem xét lãnh đạo (XXLD). (Ý kiến thăm định của Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 109/SKHCN-TĐC ngày 05/3/2021)
8	Tác động của Cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển KT-XH của huyện	14,00	10,00	6,50	
8.1	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công (Kết quả khảo sát của UBND cấp huyện)	6,00	6,00	6,00	Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện: Chỉ số SIPAS đạt 100% (Báo cáo số 394/BC-UBND ngày 30/11/2020 của UBND huyện Sông Hình)
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của huyện	2,00	2,00	0,00	TLC tại Báo cáo 392/BC-UBND ngày 30/11/2020, không có thông tin số liệu theo yêu cầu để kiểm chứng
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	2,00	0,00	0,00	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm không tăng so với năm liền kề
8.4	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách huyện của khu vực doanh nghiệp	1,00	1,00	0,00	Báo cáo 392/BC-UBND ngày 30/11/2020, không có thông tin số liệu theo yêu cầu để kiểm chứng số thu từ doanh nghiệp năm 2020 cao hơn năm trước liền kề.
8.5	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của huyện theo kế hoạch của UBND tỉnh giao	2,00	0,00	0,00	Thực hiện thu ngân sách của huyện chưa hoàn thành theo kế hoạch của UBND tỉnh giao
8.6	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND huyện giao	1,00	1,00	0,50	14/16 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch do HĐND huyện giao, tỷ lệ đạt 87,5% (Báo cáo 392/BC-UBND ngày 30/11/2020 của huyện về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh năm 2020)

Kết quả đạt được		Tổng điểm tối đa	82,00	63,87	
II ĐIỂM THƯỜNG, ĐIỂM TRỪ					
1	Cơ quan, đơn vị đề xảy ra vi phạm quy định tại Chi thị số 23-CT/TU (trừ 01 đ cho mỗi trường hợp vi phạm trong năm)	-1,00	1,00		thuộc tháng 2/ 2021
2	Thực hiện không tốt các nội dung quản lý nhà nước thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, địa phương để báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật hoặc do cơ quan cấp trên phát hiện	-1,00			
3	Gửi hồ sơ đề nghị thẩm định trễ hạn quy định hoặc tự chấm điểm không, không có cơ sở, chênh lệch quá 20% điểm so với điểm thẩm định của Hội đồng thẩm định	-1,00			
III ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHỈ SỐ CCHC					
1	Loại Tốt: chỉ số CCHC đạt từ 80 điểm trở lên				
2	Loại Khá: chỉ số CCHC đạt từ 70 điểm đến dưới 80 điểm				
3	Loại Trung bình: chỉ số CCHC đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm				
4	Loại Yếu: chỉ số CCHC dưới 50 điểm				